

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HS-ST

Ngày: 24 - 4 -2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Độ.

Ông Đoàn Minh Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Ân Trạch C, sinh năm 1992 tại Thanh Hoá; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ân Trạch T và bà Hà Thị N; có vợ là Vũ Thị Thu T1 và 02 con; tiền án: Bản án số 197/2017/HS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo C 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án số 03/2021/HS-ST ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; tiền sự: không; nhân thân: Bản án 304/2012/HS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2012 của Toà án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt bị cáo Cường 1 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Quyết định số 6914/QĐ-UBND ngày 07 tháng 9 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thị xã T đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc đối với bị cáo C là 24 (hai mươi bốn) tháng; bị bắt, tạm giữ từ ngày 05 tháng 9 năm 2023 đến ngày 15 tháng 9 năm 2023 tạm giam đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1966; địa chỉ: ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

2. Ông Lê Hồng Q, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp D, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Ân Trạch T, sinh năm 1968; địa chỉ: khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Ân Trạch C là đối tượng sử dụng ma túy tổng hợp dạng đá từ năm 2016 bằng hình thức hút. Bị cáo C đã bị bắt đưa vào Trường G về hành vi Trộm cắp tài sản, sau đó bị Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt tù giam về tội Trộm cắp tài sản vào các năm 2012, năm 2017 và năm 2021. Sau khi chấp hành án về địa phương C không có nghề nghiệp ổn định và tiếp tục sử dụng ma túy. Để có tiền tiêu xài và ma túy sử dụng, C đã thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Sáng ngày 05 tháng 9 năm 2023, C đến khu vực cầu P thuộc địa bàn huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một nam thanh niên (không rõ nhân thân, lai lịch) mua 300.000 đồng được 01 gói ma túy đá đựng trong gói nilon hàn kín. Mua xong, C cất giữ trong người rồi đón xe khách đến nhà người quen ở xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương chơi nhưng do người này đi làm nên C đi bộ xuống khu vực chợ chiều thuộc ấp D, xã T chơi. Khi đi ngang quán ốc của ông T2, C ghé vào chòi nằm chơi. Lúc này thấy ông T2 để tiền với điện thoại trên bàn nhựa gần chỗ nằm nên C nảy sinh ý định trộm số tài sản này. Lợi dụng lúc ông T2 đang bán hàng, C đã lấy trộm của ông T2 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7 và số tiền 2.500.000 đồng rồi bỏ đi.

Sau khi lấy được tài sản, C đi bộ đến quán C1 do bà Bùi Thị N1 làm chủ lấy 1.000.000 đồng tiền mặt từ tài sản trộm của ông T2 nhờ chuyển vào tài khoản của mẹ ruột tên Hà Thị N rồi nằm lại quán nghỉ. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, C đi bộ ra phía trước cổng quán C1 thì bị lực lượng Công an xã T kiểm tra, phát hiện thu giữ trong người của C có 01 gói nilon hàn kín chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy được cất giấu túi áo khoác bên trái phía trong C đang mặc cùng 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7 và số tiền 1.500.000 đồng. Qua công tác điều tra C khai nhận 01 gói ma túy là do C mua, cất giữ nhằm mục đích sử dụng. Còn điện thoại và tiền là tài sản do C trộm của ông T2 mà có.

Ngoài ra, vào khoảng 06 giờ sáng ngày 17 tháng 7 năm 2023, C đã đột nhập vào nhà ông Q và thực hiện thêm 01 vụ trộm cắp tài sản là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax và tiền mặt 800.000 đồng của ông Q. Công an xã T lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B thụ lý theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo C thừa nhận sự việc phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Bị hại ông T2, ông Q quá trình điều tra truy tố, không ai có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T không có ý kiến gì về hành vi phạm tội của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo C đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 05 tháng 9 năm 2023 (bút lục số 09 và số A), Công an huyện B đã tạm giữ của bị cáo T: 01 gói nilon miệng hàn kín có chứa chất tinh thể màu trắng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7 và số tiền mặt 1.500.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 526/KL-KTHS (MT) ngày 13 tháng 9 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B (bút lục số 57) kết luận: Mẫu chất dính đã ngã màu nâu, gửi giám định đều là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: 0,2307 gam.

Tại Kết luận giám định số 76/KL-HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7, màu xanh, sử dụng từ năm 2021 có giá 1.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 05/KL-HĐĐGTS trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax sử dụng từ năm 2021 có giá 6.500.000 đồng.

Đối với người bán ma túy cho C đến nay không xác định nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với bà Bùi Thị N1 khai vào tối ngày 05 tháng 9 năm 2023, C có đến quán C1 nhờ bà chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản của bà N. Bà N1 không biết số tiền 1.000.000 đồng từ đâu C có để chuyển nên không đủ căn cứ xem xét xử lý trong vụ án.

Đối với bà Hà Thị N khai nhận vào tối ngày 05 tháng 9 năm 2023, C có gọi điện thoại về cho bà để chuyển vào tài khoản của bà số tiền 1.000.000 đồng mua sữa cho con của C. Bà N không biết số tiền 1.000.000 đồng từ đâu C có để chuyển nên không đủ căn cứ xem xét xử lý trong vụ án.

- Về trách nhiệm dân sự: ông T2 yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền bị chiếm đoạt 1.000.000 đồng. Ông Q có yêu cầu bị cáo C trả lại số tiền bị chiếm đoạt 800.000 đồng và số tiền theo kết luận định giá điện thoại di động Iphone 11 Promax là 6.500.000 đồng. Ngày 12 tháng 4 năm 2024, ông Ân Trạch T là cha của bị cáo đã đứng ra thay mặt bị cáo bồi thường cho bị hại ông T2 số tiền 1.000.000 đồng và bồi thường cho ông Quân số tiền 7.300.000 đồng. Ông T2 và ông Q đã nhận đủ

số tiền trên không có yêu cầu gì về vấn đề dân sự trong vụ án trên đồng thời có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra Quyết định xử lý vật chứng số: 192/QĐ-ĐCSKT-MT trao trả 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7 và số tiền 1.500.000 đồng cho ông Nguyễn Văn T2.

Đề nghị tịch thu, tiêu hủy: 01 bì thư được niêm phong ghi số: 526/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong Quyết định trưng cầu giám định số: 151/QĐ-KTMT ngày ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương) có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Ân Trạch C (người chứng kiến), Nguyễn Ngọc D (bên giao mẫu), Văn Khánh D1 (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của phòng K. Bên trong còn lại 0,1639 gam ma túy loại Methamphetamine (theo Biên bản đóng gói niêm phong ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B) và 01 nỏ sử dụng ma túy bằng thủy tinh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Bị hại ông T2, ông Q vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra, truy tố không có ý kiến gì về các vấn đề trên. Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông T không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 19/CT-VKSBB ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Ân Trạch C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 và tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Về mức hình phạt:

Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm g khoản 2 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo C, xử phạt bị cáo C từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Áp dụng Điều 55 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, hình phạt chung bị cáo C phải chấp hành từ 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

01 bì thư được niêm phong ghi số: 526/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong quyết định trưng cầu giám định số: 151/QĐ-KTMT ngày ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương) có chữ

ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Ân Trạch C (người chứng kiến), Nguyễn Ngọc D (bên giao mẫu), Văn Khánh D1 (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của phòng K. Bên trong còn lại 0,1639 gam ma túy loại Methamphetamine (theo Biên bản đóng gói niêm phong ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B) là vật cấm tàng trữ, lưu hành đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu và tiêu hủy.

01 nỏ sử dụng ma túy bằng thủy tinh là công cụ không có giá trị sử dụng đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình làm người có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 05 tháng 9 năm 2023, bị cáo C có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tổng hợp, loại Methamphetamine với trọng lượng: 0,2307 gam nhằm mục đích sử dụng. Ngoài ra, vào ngày 05 tháng 9 năm 2023, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt của ông T2 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7, số tiền 2.500.000 đồng và ngày 17 tháng 7 năm 2023, bị cáo C lén lút chiếm đoạt của ông Quân số tiền 8.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11. Giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 10.800.000 đồng. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trộm cắp tài sản”. Cáo trạng truy tố bị cáo theo điểm o khoản 2 Điều 249 và điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ gây mất trật tự

trị an tại địa phương. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, ngang nhiên đưa ma túy vào đời sống xã hội, gây khó khăn cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta; mặt khác còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của chính bị cáo. Ngoài việc tàng trữ trái phép chất ma túy bị cáo còn có hành vi lén lút chiếm đoạt các tài sản của bị hại để lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã có nhiều tiền án về tội Trộm cắp tài sản, cũng đã bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố T áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa đi cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian là 24 tháng nhưng lần phạm tội này bị cáo vẫn tiếp tục sử dụng ma túy. Tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, bị cáo đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội. Điều này thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo, không biết ăn năn hối cải. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo tác động gia đình chủ động bồi thường cho bị hại, các bị hại có yêu cầu giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ông T không yêu cầu bị cáo bồi thường lại toàn bộ số tiền ông T đã bồi thường cho các bị hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

01 bì thư được niêm phong ghi số: 526/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong quyết định trưng cầu giám định số: 151/QĐ-KTMT ngày ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương) có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Ân Trạch C (người chứng kiến), Nguyễn Ngọc D (bên giao mẫu), Văn Khánh D1 (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của phòng K. Bên trong còn lại 0,1639 gam ma túy loại Methamphetamine (theo Biên bản đóng gói niêm phong ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B) là vật cấm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trao trả 01 điện thoại di động hiệu OPPO A7 và số tiền 1.500.000 đồng cho ông T2 là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đối với người bán ma túy cho C đến nay không xác định nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với bà Bùi Thị N1 khai bị cáo C nhờ bà chuyển số tiền 1.000.000 đồng vào tài khoản của bà N. Bà N1 không biết số tiền 1.000.000 đồng từ đâu C có để chuyển nên không đủ căn cứ xem xét xử lý trong vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với bà Hà Thị N khai bị cáo C chuyển vào tài khoản của bà số tiền 1.000.000 đồng mua sữa cho con của C. Bà N không biết số tiền 1.000.000 đồng từ đâu C có nên không đủ căn cứ xem xét xử lý trong vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249, điểm g khoản 2 Điều 173 **điểm a khoản 1 Điều 46, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 47**, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Ân Trạch C.

Căn cứ của điểm a, điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Ân Trạch C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ân Trạch C 05 (năm) năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Hình phạt chung bị cáo Ân T3 C phải chấp hành là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05 tháng 9 năm 2023.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy chất ma túy Methamphetamine theo bì thư được niêm phong số: 526/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong quyết định trưng cầu giám định số: 151/QĐ-KTMT ngày ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bình Dương) có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của Ân Trạch C (người chứng kiến), Nguyễn Ngọc D (bên giao mẫu), Văn Khánh D1 (bên nhận mẫu) và

hình dấu đỏ niêm phong của phòng K. Bên trong còn lại 0,1639 gam ma túy loại Methamphetamine (theo Biên bản đóng gói niêm phong ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Phòng K Công an tỉnh B) và 01 nỏ sử dụng ma túy bằng thủy tinh.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương).

3. Về án phí: bị cáo Ân T3 C phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Dương; **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;

- VKSND huyện Bàu Bàng;

- Công an huyện Bàu Bàng;

- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;

- Bị cáo; bị hại;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án;

- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);

- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

Nguyễn Thanh Tùng